

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 143/2018/DS-ST
Ngày: 26-11-2018
V/v tranh chấp về cấp, thoát
nước qua bất động sản liền kề.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kim Trường Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng.

2. Ông Lê Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2018 về “tranh chấp về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1937. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ông Phạm Văn D, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1950. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bà Lê Thị Út E, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1968. Có mặt.

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1990. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1971. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ông Phạm Văn L1, sinh năm 1979. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ông Đỗ Văn Đ1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ông Đoàn Văn N, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ông Trần Trúc L2, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của ông Phạm Văn D và Đoàn Văn N: Ông Phạm Văn L1, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 6 năm 2018). Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Út E: Bà Trần Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 6 năm 2018). Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Văn Đ1: Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 6 năm 2018). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Thanh N1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của ông Phan Thanh N1: Ông Phan Văn B, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 6 năm 2018). Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Phạm Văn C, sinh năm 1969. Vắng mặt.

- Bà Huỳnh Thị N2, sinh năm 1973. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/04/2018, ngày 05/5/2018 và ngày 21/11/2018, bản tự khai, các biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện của các nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày:

Con rạch Địa Bàu đã có từ lâu đời chảy qua nhiều thửa đất nhằm phục vụ nguồn nước sinh hoạt trồng trọt cho những hộ dân nằm trong khu vực tổ nhân dân tự quản số 10 và 11, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Hộ gia đình bà T cùng các hộ của ông D, ông S, bà E, bà T, ông T1, ông L1, ông Đ1, ông N, ông L có sử dụng chung một con rạch để có nguồn nước sinh hoạt, con rạch này đã được hình thành tự nhiên từ khoảng năm 1968, con rạch này chảy qua thửa đất số 122, 133, 227, 228, 229, cùng tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre hiện do ông Phan Thanh N1, ông Phạm Văn C và bà Huỳnh Thị N2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hiện con rạch là lối dẫn nước và cung cấp nước duy nhất phục vụ sinh hoạt và phát triển kinh tế cho khoảng 10 hécta đất và hơn 10 hộ dân sinh sống trong khu vực tuyến rạch. Vào tháng 01 năm 2018, sau khi ông Phan Thanh N1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất các thửa số 133, 227, 228 và 229, tờ bản đồ số 10, diện tích là 2.512,5m², tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; các thửa đất này nằm dọc theo tuyến rạch thì ông N1 đã tự ý đắp đập ngang rạch làm

ngăn cản dòng chảy, các hộ dân trong khu vực bị ứ đọng không có lối thoát nước.

Các nguyên đơn đã sử dụng ổn định con rạch từ khoảng năm 1968 cho đến khi ông Phan Thanh N1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất các thửa số 133, 227, 228, 229 thì quyền sử dụng đất và con rạch nêu trên là của bà Cao Thị C1, bà C1 vẫn cho các nguyên đơn sử dụng con rạch bình thường. Sau khi ông Phan Thanh N1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất các thửa đất nêu trên thì tháng 01/2018, ông N1 tự ý đắp đập ngang qua hai thửa đất số 122 và 133 ngăn cản dòng chảy. Do các nguyên đơn đều chăn nuôi nên việc đắp đập khiến cho nước bị ứ đọng, gây ô nhiễm dẫn đến tình trạng không có lối thoát nước. Sự việc đắp đập thì các nguyên đơn đã liên hệ và gặp trực tiếp gia đình ông N1, yêu cầu ông N1 tháo dỡ đập để các nguyên đơn có lối thoát nước nhưng ông N1 không đồng ý; khi ông B là cha của ông N1 đắp đập thì các nguyên đơn có ý kiến không đồng ý nhưng ông B vẫn đắp đập và nói nếu để con rạch chảy thì sẽ gây sạt lở đất của ông N1. Dòng chảy của con rạch không gây sạt lở đất của ông N1 vì hiện hai bên rạch có trồng lá dừa nước để giữ đất.

Đầu trên từ khúc đắp đập đến con lộ tổ nhân dân tự quản số 10-11 thì dòng chảy của con rạch đi qua đất của ông Đ, ông N3, bà Đ2, ông T2, ông R rồi đến lộ tổ nhân dân tự quản số 10-11; con lộ tổ nhân dân tự quản số 10-11 giáp con sông Rạch Heo. Hộ gia đình của ông Đ, ông S, bà T, ông T1, ông D có đất giáp con lộ, con lộ giáp với sông Rạch Heo. Con lộ được các hộ dân cùng Nhà nước đóng góp xây dựng năm 2003, con lộ tổ nhân dân tự quản số 10-11 có Đ1 có cầu bắc ngang con lộ và có lối thoát nước, khi ông N đắp đập thì con rạch thoát nước qua đất của ông T2, ông R ra con sông nhưng dòng chảy yếu vẫn bị ứ đọng. Sau khi ông N1 đắp đập thì nước chảy mạnh quá sạt lở đất của ông T2, ông R nên ông T2, ông R tiến hành đắp đập làm cho các nguyên đơn không còn lối thoát nước. Do các hộ dân chủ yếu dùng nguồn nước sông để sinh hoạt thì hiện nay không có nước sử dụng, để phục vụ chăn nuôi gây khó khăn rất lớn đến việc phát triển kinh tế của những hộ dân; về lâu dài gây ảnh hưởng đến môi trường và thiệt hại về kinh tế, sức khỏe cho những hộ dân trong khu vực. Do quá bức xúc, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Phan Thanh N1 tháo dỡ đập khôi phục dòng chảy như ban đầu nhưng ông N1 không đồng ý. Nay các nguyên đơn yêu cầu ông Phan Thanh N1 tháo dỡ đập khôi phục lại dòng chảy như ban đầu nhằm đảm bảo lối cấp thoát nước cho những hộ dân có đất đai nằm trong khu vực.

Các nguyên đơn đã nhận và thống nhất với hồ sơ đo đạc ngày 06/9/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và hồ sơ dự toán công trình công cấp thoát nước của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên các nguyên đơn yêu cầu ông Phan Thanh N1 tháo dỡ đập ngang rạch có diện tích 17,9m² khôi phục lại dòng chảy nhằm đảm bảo lối cấp thoát nước thuộc một phần thửa đất số 133, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Phan Văn B trình bày:

Ông Phan Thanh N1 có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Cao Thị C1 vào tháng 11/2017 đối với các thửa đất số 133, 227, 228 và 229, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Theo ông N được biết thì trước đây bà C1 làm ruộng giáp với thửa đất của bà Võ Thị Quấn là bờ ranh, sau đó đào mương lên bờ thì giáp ranh giữa hai thửa đất là con mương được hình thành khoảng năm 1984 do bà C1 và bà Q (nay là ông C) tự đào, không phải là con rạch để thoát nước như các nguyên đơn trình bày, con mương chảy qua các thửa đất số 122, 133, 227, 228, 229, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Từ khi các hộ dân ở ngoài sông bơm cát san lấp các đường thoát nước chảy ra sông nên nước chảy ngược vào làm sạt lở đất của ông N1; các hộ dân ở ngoài sông như bà Lê Thị Út E, ông Nguyễn Văn S, bà Trần Thị T cũng có đường thoát nước ra sông nhưng đã đắp đập không còn lối thoát nước ra sông. Ông thống nhất với lời trình bày của các nguyên đơn, ông N1 đắp đập do dòng chảy của con mương gây sạt lở đất của ông N1, khi ông N1 đắp đập thì không có bất kỳ hộ dân nào ngăn cản. Các nguyên đơn có lối thoát nước khác chảy qua đất của ông T2, ông R. Nay các nguyên đơn yêu cầu ông Phan Thanh N1 tháo dỡ đập để thoát nước thì ông N1 không đồng ý vì lối thoát nước này không phải là đường thoát nước duy nhất.

Ông N1 đã nhận và thống nhất với hồ sơ đo đạc ngày 06/9/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và hồ sơ dự toán công trình cống thoát nước của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên ông N1 đồng ý để các nguyên đơn đặt cống cấp thoát nước trên phần đất đang tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 133, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre nhưng việc đặt cống cấp thoát nước do các nguyên đơn thực hiện và các nguyên đơn phải đảm bảo mặt đập của ông N.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn C trình bày:

Ông đã nhận và thống nhất với hồ sơ đo đạc ngày 06/9/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và hồ sơ dự toán công trình cống thoát nước của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Ông đồng ý để các nguyên đơn đặt cống cấp thoát nước trên phần đất thuộc một phần thửa đất số 122, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Ông không yêu cầu các nguyên đơn bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất và ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N2 trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Phạm Văn C và không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với các nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Hội

đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 252 của Bộ luật Dân sự năm 2015; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn Đ, ông Phạm Văn D, ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị Út E, bà Trần Thị T, ông Huỳnh Văn T1, ông Phạm Văn L1, ông Đoàn Văn N và ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu mở lối thoát nước qua phần đất đo đạc thực tế có diện tích 17,9m² thuộc thửa số 1/133, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre do ông Phan Thanh N đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các nguyên đơn có quyền đặt công thoát nước trên phần đất đo đạc thực tế có diện tích 17,9m² thuộc thửa số 1/133, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre do ông Phan Thanh N1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ghi nhận ông Phạm Văn C, bà Huỳnh Thị N2 đồng ý cho các nguyên đơn đặt công thoát nước qua phần đất đo đạc thực tế có diện tích 15,5m² thuộc thửa số 1/122, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre do ông Phạm Văn C, bà Huỳnh Thị N2 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các nguyên đơn phải hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về đất của ông Phan Thanh N1, ông Phạm Văn C và bà Huỳnh Thị N2 khi lắp đặt đường dẫn nước, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Đ1 và ông Trần Trúc L2 về việc yêu cầu mở lối thoát nước qua đất ông Phan Thanh N1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Các nguyên đơn ông Hồ Văn Đ, ông Phạm Văn D, ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị Út E, bà Trần Thị T, ông Huỳnh Văn T1, ông Phạm Văn L1, ông Đoàn Văn N và ông Nguyễn Văn L khởi kiện ông Phan Thanh N1 về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề phần đất tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ngày 23 tháng 7 năm 2018, ông Trần Trúc L2 có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Phan Thanh N1; ngày 23 tháng 11 năm 2018, người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Văn Đ1 là ông Huỳnh Văn T1 có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Phan Thanh N1 là tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ông Hồ Văn Đ, ông Phạm Văn D, ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị Út E, bà Trần Thị T, ông Huỳnh Văn T1, ông Phạm Văn L1, ông Đoàn Văn N và ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu ông Phan Thanh N tháo dỡ đập ngang con mương có diện tích là 17,9m² khôi phục lại dòng chảy nhằm đảm bảo lối cấp thoát nước thuộc một phần thửa đất số 133, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre là tranh chấp về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề được Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 252 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các nguyên đơn cho rằng lối cấp thoát nước mà các nguyên đơn đang tranh chấp là con rạch được hình thành từ khoảng năm 1968 đến nay. Sau khi, ông Phan Thanh N1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Cao Thị C1 thì ông N1 đắp đập ngăn dòng chảy. Hiện nay, lối cấp thoát nước này là lối cấp thoát nước duy nhất phục vụ sinh hoạt và phát triển kinh tế cho khoảng 10 hécta đất và hơn 10 hộ dân sinh sống trong khu vực. Do đó, các nguyên đơn yêu cầu ông N1 phải tháo dỡ đập để được sử dụng nguồn nước sinh hoạt. Tại phiên tòa, các nguyên đơn đồng ý đặt cống cấp thoát nước tại vị trí ông N1 đắp đập ngăn dòng chảy nhưng ông N1 phải thực hiện việc đặt cống cấp thoát nước.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phan Văn B cho rằng con mương thoát nước là mương ranh giữa đất ông Phan Thanh N1 và ông Phạm Văn C, bà Huỳnh Thị N2 trước khi ông Phan Thanh N1 đắp đập thì các nguyên đơn có lối cấp thoát nước khác. Tuy nhiên, sau khi ông N1 đắp đập ngăn dòng chảy thì lối cấp thoát nước khác cũng bị đắp đập ngăn dòng chảy nên hiện nay không còn lối cấp thoát nước nào khác. Đối với yêu cầu của các nguyên đơn thì ông N1 đồng ý cho các nguyên đơn đặt cống cấp thoát nước nhưng các nguyên đơn phải thực hiện và ông N1 không yêu cầu các nguyên đơn bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn C, bà Huỳnh Thị N2 đồng ý cho các nguyên đơn đặt cống cấp thoát nước và không yêu cầu các nguyên đơn bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử xét thấy, hai bên đều thừa nhận con mương cấp thoát nước này được hình thành từ trước khi ông Phan Thanh N1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Cao Thị C1 và hiện nay các nguyên đơn không có lối cấp thoát nước nào khác. Các nguyên đơn cho rằng con mương thoát nước là con rạch công cộng nhưng không có chứng cứ chứng minh; người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Phan Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N2 không thừa nhận con mương là con rạch công cộng, ông B và bà N2 khẳng định đây là con mương ranh giữa hai thửa đất số 122 và 133, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Xét yêu cầu của các nguyên đơn về việc yêu cầu ông Phan Thanh N1 tháo dỡ một phần đập có diện tích là 17,9m² thuộc thửa đất số 133, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre (Theo hồ sơ đo đạc ngày 06/9/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre). Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Phan Văn B không đồng ý tháo dỡ đập vì phần đập này là lối đi vào phần đất của ông N1 và đồng ý cho các nguyên đơn

đặt cống cấp thoát nước tại vị trí này nhưng các nguyên đơn phải đảm bảo mặt đập như ban đầu để làm lối đi; các nguyên đơn cũng đồng ý đặt cống cấp thoát nước tại vị trí đập này nhưng việc đặt cống cấp thoát nước ông N1 phải thực hiện vì ông N1 đắp đập ngăn dòng chảy. Xét yêu cầu của các nguyên đơn mở lối cấp thoát nước là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại Điều 252 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, các nguyên đơn yêu cầu ông Phan Thanh N1 phải thực hiện việc đặt cống cấp thoát nước là không có cơ sở vì ông N1 không có yêu cầu bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất đối với các nguyên đơn. Mặt khác, việc đặt cống cấp thoát nước là để đảm bảo quyền lợi cho các nguyên đơn nên các nguyên đơn phải thực hiện việc này.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn C, bà Huỳnh Thị N2 cũng đồng ý cho các nguyên đơn đặt cống cấp thoát nước tại vị trí mặt đập có diện tích là 15,5m² thuộc một phần thửa đất số 122, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre và không yêu cầu bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất nên ghi nhận.

[3] Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn Đ, ông Phạm Văn D, ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị Út E, bà Trần Thị T, ông Huỳnh Văn T1, ông Phạm Văn L1, ông Đoàn Văn N và ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu mở lối thoát nước qua phần đất có diện tích là 17,9m² thuộc thửa số 1/133, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre do ông Phan Thanh N1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ghi nhận ông Phạm Văn C và bà Huỳnh Thị N2 đồng ý cho các nguyên đơn đặt cống cấp thoát nước qua phần đất có diện tích là 15,5m² thuộc thửa số 1/122, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre do ông Phạm Văn C, bà Huỳnh Thị N2 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các nguyên đơn phải hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về tài sản của ông Phan Thanh N1, ông Phạm Văn C và bà Huỳnh Thị N2 khi lắp đặt đường dẫn nước, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường. Trong quá trình sử dụng, nếu cống bị hư hỏng hoặc bị ngăn dòng chảy thì ông Phan Thanh N1, ông Phạm Văn C và bà Huỳnh Thị N2 phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nguyên đơn sửa chữa.

[4] Chi phí thu thập chứng cứ ông Phan Thanh N1 phải chịu là 985.000 (*chín trăm tám mươi lăm nghìn*) đồng, các nguyên đơn đã thực hiện quyết T2 xong nên ông Phan Thanh N1 phải có trách nhiệm hoàn trả cho các nguyên đơn số tiền là 985.000 (*chín trăm tám mươi lăm nghìn*) đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông Phan Thanh N1 phải chịu là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng.

[6] Tại phiên tòa, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 252 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Đ1 và ông Trần Trúc L2 đối với ông Phan Thanh N.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn Đ, ông Phạm Văn D, ông Nguyễn Văn S, bà Lê Thị Út E, bà Trần Thị T, ông Huỳnh Văn T1, ông Phạm Văn L1, ông Đoàn Văn N và ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu mở lối cấp thoát nước qua phần đất có diện tích 17,9m² thuộc thửa số 1/133, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre do ông Phan Thanh N1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ghi nhận ông Phạm Văn C, bà Huỳnh Thị N2 đồng ý cho các nguyên đơn đặt cống cấp thoát nước qua phần đất có diện tích là 15,5m² thuộc thửa số 1/122, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre do ông Phạm Văn C, bà Huỳnh Thị N2 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các nguyên đơn được quyền đặt cống cấp thoát nước đường kính 01m, chiều dài 05m (cao độ đáy cống bằng hoặc thấp hơn đáy mương để đảm bảo lưu lượng nước thoát vào bên trong) trên phần đường nước cũ chạy dọc theo con mương (đường nước như hiện trạng đang tranh chấp) đến phần đất của các nguyên đơn thuộc thửa đất số 1/133 (diện tích 17,9m²) và thửa đất số 1/122 (diện tích 15,5m²), tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre do ông Phan Thanh N1, ông Phạm Văn C và bà Huỳnh Thị N2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có tứ cận như sau:

- Đông giáp phần còn lại của thửa số 133 và 122 của ông Phan Thanh N1, ông Phạm Văn C và bà Huỳnh Thị N2.

- Tây giáp phần còn lại của thửa số 133 và 122 của ông Phan Thanh N1, ông Phạm Văn C và bà Huỳnh Thị N2.

- Bắc giáp phần còn lại của thửa 122 của ông Phạm Văn C và bà Huỳnh Thị N2.

- Nam giáp phần còn lại của thửa số 133 của ông Phan Thanh N1.

(Có hồ sơ đo đạc và hồ sơ dự toán kèm theo).

Các nguyên đơn phải hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại cho ông Phan Thanh N1, ông Phạm Văn C và bà Huỳnh Thị N2 khi lắp đặt đường dẫn nước; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Các nguyên đơn không phải bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho ông Phan Thanh N1, ông Phạm Văn C và bà Huỳnh Thị N2. Trong quá trình sử dụng, nếu cống cấp thoát nước bị hư hỏng hoặc bị ngăn dòng chảy thì ông Phan Thanh N1, ông Phạm Văn C và bà Huỳnh Thị N2 phải tạo điều kiện cho các nguyên đơn sửa chữa. Khi sửa chữa các nguyên đơn phải đảm bảo không gây

thiệt hại tài sản của ông Phan Thanh N1, ông Phạm Văn C và bà Huỳnh Thị N2; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

3. Chi phí thu thập chứng cứ ông Phan Thanh N1 phải chịu là 985.000 (*chín trăm tám mươi lăm nghìn*) đồng, các nguyên đơn đã thực hiện quyết T2 xong nên ông Phan Thanh N1 phải có trách nhiệm hoàn trả cho các nguyên đơn số tiền là 985.000 (*chín trăm tám mươi lăm nghìn*) đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

- Ông Phan Thanh N1 phải nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Lê Thị Út E, bà Trần Thị T, ông Huỳnh Văn T1, ông Phạm Văn L1, ông Đỗ Văn Đ1, ông Đoàn Văn N, ông Trần Trúc L2 và ông Nguyễn Văn L, mỗi người là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo các biên lai thu số 0016829, 0016830, 0016831, 0016832, 0016833 ngày 18 tháng 5 năm 2018 và 0021370, 0021371, 0021372 ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Trường Sơn